TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **685**/2020/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 19 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 6, 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986.

Căn cứ vào các Điều 55, 57 khoản 01 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 941/2020/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1967

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Tổ 26, Kp.5, P.Trảng Dài, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Tân Việt, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/1989. Căn cứ các điều 6, 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, xác định quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nay, ông T, bà H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn L, sinh năm 1990 và Phạm Văn K, sinh năm 1994. Các con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để các bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải nộp 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ

phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số: 0008729 ngày 10/3/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn L, sinh năm 1990 và Phạm Văn K, sinh năm 1994. Các con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số: 0008729 ngày 10/3/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Ông T, bà H đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND xã Tân Việt;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Đỗ Minh Nhựt